LUẬT DỊCH VỤ VIỆC LÀM (就業服務法)

Bản dịch tiếng Việt toàn văn từ nguyên bản tiếng Trung Phồn thể

Ngày sửa đổi: Ngày 20 tháng 01 năm Dân Quốc thứ 114 (20/01/2025)

Chương I: Quy định chung

Điều 1

Luật này được ban hành nhằm thúc đẩy việc làm cho công dân, qua đó tăng cường phát triển kinh tế và xã hội; đối với những vấn đề không được quy định trong Luật này, sẽ áp dụng quy định của các luật khác.

Điều 2

Các thuật ngữ sử dụng trong Luật này được định nghĩa như sau:

1. **Dịch vụ việc làm:** Là dịch vụ được cung cấp nhằm hỗ trợ công dân tìm kiếm việc làm và hỗ trợ người sử dụng lao động tuyển dụng nhân viên.
2. **Tổ chức dịch vụ việc làm:** Là tổ chức cung cấp dịch vụ việc làm; tổ chức do cơ quan nhà nước thành lập là tổ chức dịch vụ việc làm công lập; tổ chức do cá nhân hoặc đoàn thể ngoài nhà nước thành lập là tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân.
3. **Người sử dụng lao động:** Là người tuyển dụng, thuê mướn nhân viên làm việc.
4. **Người trung niên và cao tuổi:** Là công dân đủ từ bốn mươi lăm (45) tuổi đến sáu mươi lăm (65) tuổi.
5. **Người thất nghiệp dài hạn:** Là người có thời gian thất nghiệp liên tục từ một (01) năm trở lên, có tổng thời gian đóng bảo hiểm lao động từ sáu (06) tháng trở lên trong vòng ba (03) năm trước ngày làm thủ tục thoái bảo hiểm lao động, và có đăng ký tìm việc tại tổ chức dịch vụ việc làm công lập trong vòng một (01) tháng gần nhất.

Điều 3

Công dân có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, trừ trường hợp bị pháp luật nghiêm cấm hoặc hạn chế.

Điều 4

Công dân có khả năng lao động đều được bình đẳng khi tiếp nhận dịch vụ việc làm.

Điều 5

1. Nhằm bảo đảm cơ hội việc làm bình đẳng cho công dân, người sử dụng lao động không được phân biệt đối xử đối với người tìm việc hoặc người lao động đang làm việc vì lý do chủng tộc, giai cấp, ngôn ngữ, tư tưởng, tôn giáo, đảng phái, nguyên quán, nơi sinh, giới tính, xu hướng tính dục, tuổi tác, tình trạng hôn nhân, diện mạo, ngũ quan, khuyết tật thể chất hoặc tinh thần, cung hoàng đạo, nhóm máu hoặc từng là hội viên công đoàn; trường hợp các luật khác có quy định rõ ràng thì thực hiện theo quy định đó.

2. Khi tuyển dụng hoặc sử dụng người lao động, người sử dụng lao động không được thực hiện các hành vi sau đây:

1. Quảng cáo hoặc thông báo tuyển dụng sai sự thật.
2. Trái với ý muốn của người tìm việc hoặc người lao động, giữ lại Thẻ căn cước công dân, giấy phép lao động hoặc các giấy tờ chứng minh khác của họ, hoặc yêu cầu cung cấp thông tin riêng tư không thuộc phạm vi cần thiết cho công việc.
3. Giữ lại tài sản của người tìm việc hoặc người lao động, hoặc thu tiền đặt cọc bảo đảm.
4. Phân công người tìm việc hoặc người lao động làm những công việc trái với trật tự công cộng hoặc thuần phong mỹ tục.

5. Cung cấp tài liệu hoặc mẫu xét nghiệm khám sức khỏe giả mạo khi làm thủ tục xin giấy phép, tuyển dụng, đưa vào hoặc quản lý người lao động nước ngoài.
6. Cung cấp vị trí tuyển dụng có mức lương thường xuyên dưới bốn mươi nghìn (40.000) Tân Đài tệ nhưng không công khai hoặc thông báo rõ phạm vi mức lương.

Điều 6

1. Cơ quan chủ quản quy định trong Luật này: ở Trung ương là Bộ Lao động; ở thành phố trực thuộc Trung ương là Chính quyền thành phố trực thuộc Trung ương; ở huyện (thành phố thuộc tỉnh) là Chính quyền huyện (thành phố).

2. Cơ quan chủ quản Trung ương phải phối hợp với Ủy ban Dân tộc Nguyên trú để thực hiện các công tác dịch vụ việc làm liên quan đến người dân tộc nguyên trú.

3. Cơ quan chủ quản Trung ương phụ trách các công việc sau đây:

1. Hoạch định chính sách, pháp luật, kế hoạch và phương án dịch vụ việc làm quốc gia.
2. Cung cấp thông tin thị trường lao động trên phạm vi toàn quốc.
3. Ban hành quy chuẩn nghiệp vụ dịch vụ việc làm.
4. Chỉ đạo, điều phối và đánh giá công tác dịch vụ việc làm trên toàn quốc.
5. Cấp phép và quản lý việc người sử dụng lao động xin tuyển dụng người nước ngoài.
6. Cấp phép, đình chỉ hoạt động và thu hồi giấy phép đối với các tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân thực hiện các nghiệp vụ môi giới sau đây:
   (1) Môi giới người nước ngoài đến làm việc trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc.
   (2) Môi giới cư dân Hồng Kông, Ma Cao hoặc nhân dân khu vực Đại Lục đến làm việc tại khu vực Đài Loan.
   (3) Môi giới công dân trong nước đi làm việc ngoài khu vực Đài Loan.
7. Các công việc khác liên quan đến dịch vụ việc làm và thúc đẩy việc làm mang tính chất toàn quốc.

4. Cơ quan chủ quản thành phố trực thuộc Trung ương, huyện (thành phố) phụ trách các công việc sau đây:

1. Xác định hành vi phân biệt đối xử trong việc làm.
2. Quản lý và kiểm tra người nước ngoài làm việc trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc.
3. Cấp phép, đình chỉ hoạt động và thu hồi giấy phép đối với các tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân môi giới công dân trong nước làm việc trong nước.
4. Quản lý các tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân ngoài phạm vi quy định tại Khoản 6 Điều 3 và Khoản trên.
5. Các công việc phối hợp khác liên quan đến dịch vụ việc làm cho công dân.

Điều 7

1. Cơ quan chủ quản có thể mời đại diện của người lao động, người sử dụng lao động, cơ quan nhà nước cùng các học giả, chuyên gia để nghiên cứu, thảo luận và tư vấn về các vấn đề liên quan đến dịch vụ việc làm và thúc đẩy việc làm; trong đó đại diện của người lao động, người sử dụng lao động và học giả, chuyên gia không được ít hơn một phần hai (1/2).

2. Tỷ lệ mỗi giới tính trong số các đại diện nêu tại khoản trên không được ít hơn một phần ba (1/3).

Điều 8

Cơ quan chủ quản phải định kỳ tổ chức đào tạo bồi dưỡng tại chức nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn và hiệu quả công việc cho nhân viên làm công tác dịch vụ việc làm.

Điều 9

Tổ chức dịch vụ việc làm và nhân viên của tổ chức không được tiết lộ ra bên ngoài thông tin của người sử dụng lao động và người tìm việc, trừ trường hợp cần thiết để giới thiệu việc làm.

Điều 10

1. Trong thời gian diễn ra đình công hợp pháp, hoặc trong thời gian hòa giải tranh chấp lao động liên quan đến quyền lợi của số đông người lao động do chấm dứt hợp đồng lao động, tổ chức dịch vụ việc làm không được giới thiệu người tìm việc đến làm việc tại nơi đang có đình công hoặc tranh chấp lao động đó.

2. Số đông người lao động nêu tại khoản trên là trường hợp số người lao động của đơn vị sự nghiệp liên quan đến tranh chấp lao động đạt từ mười (10) người trở lên, hoặc tuy chưa đủ mười (10) người nhưng chiếm từ một phần ba (1/3) tổng số nhân viên tại nơi xảy ra tranh chấp lao động trở lên.

Điều 11

1. Cơ quan chủ quản phải khen thưởng và biểu dương những cá nhân, tổ chức có đóng góp xuất sắc trong việc thúc đẩy việc làm cho công dân.

2. Quy định về điều kiện tiêu chuẩn, hạng mục, hình thức khen thưởng, biểu dương nêu tại khoản trên và các vấn đề cần tuân thủ khác do cơ quan chủ quản Trung ương ban hành.

Chương II: Dịch vụ việc làm của Nhà nước

Điều 12

1. Cơ quan chủ quản có thể căn cứ nhu cầu nghiệp vụ để thành lập các tổ chức dịch vụ việc làm công lập tại các địa phương.

2. Tại thành phố trực thuộc Trung ương, huyện (thành phố) có dân số người dân tộc nguyên trú từ hai mươi nghìn (20.000) người trở lên, có thể thành lập tổ chức dịch vụ việc làm công lập dành cho người dân tộc nguyên trú phù hợp với văn hóa đặc thù của họ.

3. Tiêu chuẩn thành lập các tổ chức dịch vụ việc làm công lập nêu tại hai khoản trên do cơ quan chủ quản Trung ương ban hành.

Điều 13

Tổ chức dịch vụ việc làm công lập thực hiện dịch vụ việc làm trên nguyên tắc miễn phí. Tuy nhiên, đối với chi phí cần thiết khi nhận ủy thác của người sử dụng lao động để tổ chức thi tuyển nhân tài, có thể thu phí từ người sử dụng lao động.

Điều 14

Tổ chức dịch vụ việc làm công lập không được từ chối đơn đăng ký tìm việc của người tìm việc và đơn đăng ký tuyển dụng của người sử dụng lao động, trừ trường hợp đơn đăng ký vi phạm pháp luật hoặc từ chối cung cấp thông tin cần thiết cho việc giới thiệu việc làm.

Điều 15

(Đã bãi bỏ)

Điều 16

Tổ chức dịch vụ việc làm công lập phải thu thập, tổng hợp, phân tích các dữ liệu về biến động tiền lương, cung cầu nhân lực và triển vọng tương lai trong khu vực phụ trách để cung cấp thông tin thị trường lao động.

Điều 17

1. Tổ chức dịch vụ việc làm công lập trước tiên phải cung cấp tư vấn việc làm cho người tìm việc, sau đó căn cứ kết quả tư vấn việc làm hoặc đánh giá hướng nghiệp để giới thiệu việc làm, đào tạo nghề, kiểm định kỹ năng nghề, hỗ

trợ khởi nghiệp, chuyển giới thiệu hoặc xác nhận tình trạng thất nghiệp và chuyển đề nghị chi trả trợ cấp thất nghiệp.

2. Các hạng mục và nội dung dịch vụ nêu tại khoản trên phải được lập thành hồ sơ lưu trữ.

3. Quy định về tư vấn việc làm, hướng nghiệp nêu tại Khoản 1 và các vấn đề liên quan khác do cơ quan chủ quản Trung ương ban hành.

Điều 18

Tổ chức dịch vụ việc làm công lập phải liên hệ chặt chẽ với các trường học trong khu vực nghiệp vụ của mình, hỗ trợ nhà trường thực hiện công tác hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên, đồng thời phối hợp giới thiệu học sinh, sinh viên tốt nghiệp đi làm hoặc tham gia đào tạo nghề và hỗ trợ sau khi có việc làm.

Điều 19

Tổ chức dịch vụ việc làm công lập có thể giới thiệu người tìm việc thiếu kiến thức và kỹ năng làm việc tham gia đào tạo nghề; đối với những người đã hoàn thành khóa đào tạo nghề, phải hỗ trợ giới thiệu việc làm cho họ.

Điều 20

Tổ chức dịch vụ việc làm công lập phải giới thiệu việc làm hoặc giới thiệu tham gia đào tạo nghề cho những người nộp đơn xin hưởng trợ cấp thất nghiệp của bảo hiểm việc làm.

Chương III: Thúc đẩy việc làm

Điều 21

Chính phủ phải căn cứ vào các dữ liệu điều tra liên quan đến tình hình việc làm và thất nghiệp để hoạch định các biện pháp điều tiết cung cầu nhân lực, thúc đẩy sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực và tạo việc làm cho công dân.

Điều 22

Cơ quan chủ quản Trung ương phải xây dựng mạng lưới thông tin việc làm quốc gia nhằm thúc đẩy cân bằng cung cầu nhân lực giữa các khu vực và phối hợp triển khai chế độ trợ cấp thất nghiệp của bảo hiểm việc làm.

Điều 23

1. Khi kinh tế suy thoái dẫn đến thất nghiệp hàng loạt, cơ quan chủ quản Trung ương có thể khuyến khích người sử dụng lao động thương lượng với công đoàn hoặc người lao động để áp dụng các biện pháp như giảm giờ làm việc, điều chỉnh tiền lương, tổ chức đào tạo bồi dưỡng nhằm tránh cắt giảm nhân sự; đồng thời căn cứ nhu cầu thực tế để tăng cường đào tạo nghề hoặc áp dụng các biện pháp hỗ trợ như tạo cơ hội việc làm tạm thời, hỗ trợ lãi suất vay vốn khởi nghiệp; khi cần thiết, phải cấp các khoản trợ cấp hoặc tiền hỗ trợ liên quan nhằm thúc đẩy việc làm.

2. Quy định về điều kiện tiêu chuẩn, hạng mục, hình thức, thời hạn, nguồn kinh phí và các vấn đề cần tuân thủ khác đối với việc hỗ trợ lãi suất, trợ cấp và tiền hỗ trợ nêu tại khoản trên do cơ quan chủ quản Trung ương ban hành.

Điều 24

1. Cơ quan chủ quản phải xây dựng kế hoạch và nỗ lực thúc đẩy việc làm cho các đối tượng tự nguyện tìm việc sau đây; khi cần thiết, có thể cấp các khoản trợ cấp hoặc tiền hỗ trợ liên quan:

1. Người một mình gánh vác kinh tế gia đình.
2. Người trung niên và cao tuổi.
3. Người khuyết tật thể chất hoặc tinh thần.

4. Người dân tộc nguyên trú.
5. Người có khả năng lao động thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.
6. Người thất nghiệp dài hạn.
7. Phụ nữ tái gia nhập thị trường lao động (lao động nữ quay lại làm việc lần hai).
8. Nạn nhân của bạo lực gia đình.
9. Người chấp hành xong án phạt tù được bảo trợ tái hòa nhập cộng đồng.
10. Các đối tượng khác được cơ quan chủ quản Trung ương xét thấy cần thiết.

2. Kế hoạch nêu tại khoản trên phải được rà soát định kỳ để bảo đảm hiệu quả thực hiện.

3. Cơ quan chủ quản phải cung cấp các biện pháp hỗ trợ liên quan cho những người có chứng chỉ nhân viên chăm sóc và tự nguyện tham gia làm việc.

4. Quy định về điều kiện xét duyệt, mức tiền, thời hạn, nguồn kinh phí và các vấn đề liên quan khác đối với khoản trợ cấp hoặc tiền hỗ trợ nêu tại Khoản 1 do cơ quan chủ quản ban hành.

Điều 25

Tổ chức dịch vụ việc làm công lập phải chủ động tìm kiếm các cơ hội việc làm phù hợp với người khuyết tật và người trung niên, cao tuổi, đồng thời định kỳ công bố công khai.

Điều 26

Cơ quan chủ quản phải căn cứ nhu cầu thực tế để tổ chức đào tạo nghề nhằm hỗ trợ việc làm cho người một mình gánh vác kinh tế gia đình, hoặc hỗ trợ tái hòa nhập việc làm cho phụ nữ nghỉ việc do mang thai, sinh con hoặc nuôi con nhỏ.

Điều 27

Cơ quan chủ quản phải căn cứ nhu cầu thực tế để triển khai đào tạo thích ứng nhằm hỗ trợ người khuyết tật và người dân tộc nguyên trú hòa nhập với môi trường làm việc.

Điều 28

Sau khi giới thiệu việc làm cho người khuyết tật và người dân tộc nguyên trú, tổ chức dịch vụ việc làm công lập phải thực hiện thăm hỏi, theo dõi để hỗ trợ họ thích nghi với công việc.

Điều 29

1. Cơ quan chủ quản thành phố trực thuộc Trung ương và huyện (thành phố) phải lập danh sách những người có khả năng lao động thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo trong địa bàn quản lý gửi cho tổ chức dịch vụ việc làm công lập tại địa phương để giới thiệu việc làm hoặc tham gia đào tạo nghề.

2. Trường hợp người tìm việc được tổ chức dịch vụ việc làm công lập giới thiệu là người có khả năng lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc nạn nhân bạo lực gia đình, có thể được xem xét hỗ trợ chi phí đi lại cần thiết để phỏng vấn xin việc.

Điều 30

Tổ chức dịch vụ việc làm công lập phải liên hệ chặt chẽ với cơ quan quân vụ địa phương để hỗ trợ giới thiệu quân nhân xuất ngũ đi làm hoặc tham gia đào tạo nghề.

Điều 31

Tổ chức dịch vụ việc làm công lập phải liên hệ chặt chẽ với Hội Bảo trợ Tái hòa nhập cộng đồng để hỗ trợ giới thiệu người được bảo trợ đi làm hoặc tham gia đào tạo nghề.

Điều 32

1. Nhằm thúc đẩy việc làm cho công dân, cơ quan chủ quản phải lập dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các biện pháp quy định tại Luật này theo thẩm quyền và trách nhiệm.

2. Cơ quan chủ quản Trung ương có thể căn cứ tình hình tài chính thực tế của cơ quan chủ quản thành phố trực thuộc Trung ương, huyện (thành phố) để cấp kinh phí hỗ trợ.

Điều 33

1. Khi cho người lao động thôi việc (cắt giảm nhân sự), người sử dụng lao động phải lập danh sách thông báo cho cơ quan chủ quản địa phương và tổ chức dịch vụ việc làm công lập trước ngày người lao động nghỉ việc mười (10) ngày, bao gồm các thông tin: họ tên, giới tính, tuổi, địa chỉ, số điện thoại, công việc đảm nhận, lý do cho thôi việc và nhu cầu tư vấn việc làm của người lao động bị cho thôi việc. Tuy nhiên, trường hợp việc cho thôi việc là do thiên tai, sự biến hoặc các sự kiện bất khả kháng khác gây ra, phải thực hiện thông báo trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày người lao động bị cho thôi việc nghỉ việc.

2. Sau khi tiếp nhận thông tin thông báo nêu tại khoản trên, tổ chức dịch vụ việc làm công lập phải căn cứ nguyện vọng và năng lực làm việc của người bị cho thôi việc để hỗ trợ họ tìm việc làm mới.

Điều 33-1

Cơ quan chủ quản Trung ương có thể ủy nhiệm cho tổ chức dịch vụ việc làm hoặc cơ sở đào tạo nghề trực thuộc, ủy thác cho cơ quan chủ quản thành phố trực thuộc Trung ương, huyện (thành phố) hoặc ủy quyền cho cơ quan, tổ chức, đoàn thể liên quan thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền về dịch vụ việc làm và thúc đẩy việc làm quy định trong Luật này.

Chương IV: Dịch vụ việc làm tư nhân

Điều 34

1. Tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân và các chi nhánh của tổ chức phải nộp đơn xin phép thành lập lên cơ quan chủ quản và chỉ được hoạt động nghiệp vụ dịch vụ việc làm sau khi được cấp giấy phép; giấy phép này phải được gia hạn định kỳ.

2. Không được hoạt động nghiệp vụ dịch vụ việc làm khi chưa được cấp phép, trừ trường hợp trường học được thành lập hợp pháp, cơ sở đào tạo nghề hoặc cơ quan (tổ chức) nhận ủy thác của cơ quan nhà nước thực hiện đào tạo, dịch vụ việc làm miễn phí cho học sinh, sinh viên tốt nghiệp, học viên hoàn thành khóa học hoặc người tìm việc của mình.

3. Quy định về điều kiện cấp phép thành lập, thời hạn, thu hồi giấy phép, gia hạn giấy phép và các vấn đề quản lý khác đối với tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân và chi nhánh nêu tại Khoản 1 do cơ quan chủ quản Trung ương ban hành.

Điều 35

1. Tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân được kinh doanh các nghiệp vụ dịch vụ việc làm sau đây:

1. Nghiệp vụ giới thiệu việc làm hoặc môi giới nhân lực.
2. Nhận ủy thác tuyển dụng nhân viên.

3. Tư vấn việc làm hoặc trắc nghiệm tâm lý nghề nghiệp nhằm hỗ trợ công dân xác định kế hoạch phát triển sự nghiệp.
4. Các hạng mục dịch vụ việc làm khác do cơ quan chủ quản Trung ương chỉ định.

2. Tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân khi kinh doanh các nghiệp vụ dịch vụ việc làm nêu tại khoản trên được phép thu phí; danh mục thu phí và mức phí do cơ quan chủ quản Trung ương quy định.

Điều 36

1. Tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân phải bố trí nhân viên chuyên môn dịch vụ việc làm đáp ứng đủ tiêu chuẩn và số lượng theo quy định.

2. Tiêu chuẩn và số lượng nhân viên chuyên môn dịch vụ việc làm nêu tại khoản trên được quy định trong Quy chế cấp phép và quản lý tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân.

Điều 37

Nhân viên chuyên môn dịch vụ việc làm không được thực hiện các hành vi sau đây:

1. Cho phép người khác mượn danh nghĩa của mình để thực hiện nghiệp vụ dịch vụ việc làm.
2. Thực hiện nghiệp vụ vi phạm quy định pháp luật.

Điều 38

Tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân thực hiện các nghiệp vụ môi giới sau đây phải được tổ chức theo hình thức công ty, trừ trường hợp do cơ quan chủ quản Trung ương thành lập, hoặc là tổ chức, đoàn thể phi lợi nhuận được cơ quan chủ quản Trung ương cấp phép thành lập, chỉ định hoặc ủy nhiệm:

1. Môi giới người nước ngoài đến làm việc trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc.
2. Môi giới cư dân Hồng Kông, Ma Cao hoặc nhân dân khu vực Đại Lục đến làm việc tại khu vực Đài Loan.
3. Môi giới công dân trong nước đi làm việc ngoài khu vực Đài Loan.

Điều 39

Tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân phải lập và lưu giữ đầy đủ các hồ sơ, tài liệu theo quy định; không được trốn tránh, cản trở hoặc từ chối khi cơ quan chủ quản tiến hành kiểm tra.

Điều 40

1. Tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân và nhân viên làm việc tại tổ chức khi thực hiện nghiệp vụ dịch vụ việc làm không được có các hành vi sau đây:

1. Không ký kết hợp đồng bằng văn bản với người sử dụng lao động hoặc người tìm việc theo quy định khi thực hiện nghiệp vụ môi giới.
2. Quảng cáo hoặc thông báo sai sự thật hoặc vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 5.
3. Trái với ý muốn của người tìm việc, giữ lại Thẻ căn cước công dân, giấy phép lao động hoặc các giấy tờ chứng minh khác của họ.
4. Giữ lại tài sản của người tìm việc hoặc thu tiền đặt cọc bảo đảm giới thiệu việc làm.
5. Yêu cầu, thỏa thuận trước hoặc nhận các khoản phí ngoài mức quy định, hoặc các lợi ích bất chính khác.
6. Đề nghị, thỏa thuận trước hoặc đưa lợi ích bất chính.
7. Môi giới người tìm việc làm những công việc trái với trật tự công cộng hoặc thuần phong mỹ tục.
8. Cung cấp tài liệu hoặc mẫu xét nghiệm khám sức khỏe giả mạo khi nhận ủy thác thực hiện các thủ tục xin cấp phép, tuyển dụng, đưa vào hoặc quản lý người lao động nước ngoài.
9. Có hành vi đe dọa, lừa đảo, chiếm đoạt hoặc bội tín trong quá trình thực hiện nghiệp vụ dịch vụ việc làm.

10. Trái với ý muốn của người sử dụng lao động hoặc người lao động, giữ lại văn bản cấp phép, giấy tờ tùy thân hoặc các giấy tờ liên quan khác.
11. Không điền hoặc điền sai sự thật vào các biểu mẫu báo cáo do cơ quan chủ quản quy định.
12. Không làm thủ tục đăng ký thay đổi, khai báo tạm ngừng hoạt động hoặc cấp đổi, cấp lại giấy phép theo quy định.
13. Không niêm yết công khai Giấy phép hoạt động tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân, Bảng kê chi tiết danh mục và mức thu phí, Chứng chỉ nhân viên chuyên môn dịch vụ việc làm theo quy định.
14. Tự ý tiếp tục hoạt động kinh doanh khi chưa hết thời hạn bị cơ quan chủ quản xử phạt đình chỉ hoạt động.
15. Không thực hiện trọn vẹn công việc được ủy thác trong quá trình làm nghiệp vụ dịch vụ việc làm, dẫn đến việc người sử dụng lao động vi phạm Luật này hoặc các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này, hoặc gây tổn hại đến quyền và lợi ích của người lao động.
16. Cho thuê hoặc cho thuê lại Giấy phép hoạt động tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân hoặc Chứng chỉ nhân viên chuyên môn dịch vụ việc làm.
17. Người lao động nước ngoài được nhận ủy thác đưa vào nhập cảnh bỏ trốn (mất liên lạc) trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày nhập cảnh, và đạt đến một số lượng và tỷ lệ nhất định trong vòng một (01) năm.
18. Có hành vi xâm hại tình dục, mua bán người, xâm phạm tự do thân thể, cố ý gây thương tích nghiêm trọng hoặc giết người đối với người tìm việc hoặc người lao động nước ngoài được tuyển dụng.
19. Biết được người lao động nước ngoài đang làm việc có dấu hiệu bị người sử dụng lao động, người được chăm sóc hoặc thành viên gia đình khác cùng chung sống, người đại diện, người phụ trách của người sử dụng lao động hoặc người thay mặt người sử dụng lao động xử lý các vấn đề liên quan đến người lao động thực hiện hành vi xâm hại tình dục, mua bán người, xâm phạm tự do thân thể, cố ý gây thương tích nghiêm trọng hoặc giết người, nhưng không trình báo cho cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, cơ quan công an hoặc cơ quan tư pháp khác trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.
20. Các hành vi vi phạm khác đối với Luật này hoặc các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo Luật này.

2. Quy định về số lượng, tỷ lệ và phương thức kiểm tra nêu tại Điểm 17 khoản trên do cơ quan chủ quản Trung ương ban hành.

Điều 41

Bên nhận ủy thác đăng tải hoặc phát tán quảng cáo tuyển dụng phải lưu giữ thông tin của bên ủy thác bao gồm họ tên hoặc tên tổ chức, địa chỉ, số điện thoại, số Thẻ căn cước công dân hoặc mã số đăng ký kinh doanh trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày đăng quảng cáo; không được trốn tránh, cản trở hoặc từ chối khi cơ quan chủ quản tiến hành kiểm tra.

Chương V: Tuyển dụng và Quản lý người nước ngoài

Điều 42

Nhằm bảo đảm quyền làm việc của công dân trong nước, việc tuyển dụng người nước ngoài làm việc không được làm ảnh hưởng đến cơ hội việc làm, điều kiện lao động của người lao động trong nước, sự phát triển kinh tế quốc dân và ổn định xã hội.

Điều 43

Trừ trường hợp Luật này có quy định khác, người nước ngoài không được làm việc trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc nếu chưa được người sử dụng lao động xin cấp phép.

Điều 44

Bất kỳ ai cũng không được chứa chấp (dung túng) trái phép người nước ngoài làm việc.

Điều 45

Bất kỳ ai cũng không được môi giới người nước ngoài làm việc trái phép cho người khác.

Điều 46

1. Trừ trường hợp Luật này có quy định khác, công việc mà người sử dụng lao động được phép tuyển dụng người nước ngoài làm việc trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc chỉ giới hạn trong các lĩnh vực sau đây:

1. Công việc mang tính chất chuyên môn hoặc kỹ thuật.
2. Người quản lý của doanh nghiệp do Hoa kiều hoặc người nước ngoài đầu tư hoặc thành lập được Chính phủ phê duyệt.
3. Giáo viên tại các trường học sau đây:
   (1) Giáo viên tại các trường cao đẳng, đại học trở lên công lập hoặc tư thục đã được cấp phép, hoặc trường dành cho kiều dân nước ngoài.
   (2) Giáo viên dạy môn ngoại ngữ đủ tiêu chuẩn tại các trường trung học phổ thông trở xuống công lập hoặc tư thục đã được cấp phép.
   (3) Giáo viên dạy các môn học chuyên ngành tại ban song ngữ của trường trung học phổ thông thực nghiệm công lập hoặc tư thục đã được cấp phép, hoặc tại trường song ngữ.
4. Giáo viên chuyên trách tại các trung tâm bồi dưỡng ngắn hạn được thành lập hợp pháp theo Luật Giáo dục Bổ túc và Nâng cao.
5. Huấn luyện viên thể thao và vận động viên.
6. Công việc thuộc lĩnh vực tôn giáo, nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật.
7. Thuyền viên trên tàu thương mại, tàu công tác và các tàu khác được Bộ Giao thông cấp phép đặc biệt.
8. Công việc đánh bắt thủy hải sản trên biển.
9. Công việc giúp việc gia đình, hộ lý tại cơ sở dưỡng lão/y tế và khán hộ công gia đình.
10. Công việc do cơ quan chủ quản Trung ương chỉ định nhằm đáp ứng nhu cầu của các dự án xây dựng trọng điểm quốc gia hoặc phát triển kinh tế - xã hội.
11. Các công việc khác có tính chất đặc thù mà trong nước thiếu hụt nhân tài, thực sự cần thiết phải tuyển dụng người nước ngoài làm việc trong nghiệp vụ và được cơ quan chủ quản Trung ương phê duyệt theo dự án chuyên biệt.

2. Trừ trường hợp luật khác có quy định riêng, tiêu chuẩn thẩm định và điều kiện làm việc của người nước ngoài thực hiện các công việc nêu tại khoản trên do cơ quan chủ quản Trung ương phối hợp với cơ quan quản lý ngành nghề Trung ương quy định. Tuy nhiên, đối với khán hộ công gia đình nêu tại Điểm 9 khoản trên, nếu người được chăm sóc mang thân phận người dân tộc nguyên trú, phương thức đánh giá và xác nhận do Bộ Y tế và Phúc lợi phối hợp với Ủy ban Dân tộc Nguyên trú quy định.

3. Người sử dụng lao động tuyển dụng người nước ngoài theo quy định từ Điểm 8 đến Điểm 10 Khoản 1 phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản và chỉ được ký hợp đồng xác định thời hạn; trường hợp không xác định thời hạn, thời hạn của hợp đồng lao động sẽ tính theo thời hạn của giấy phép tuyển dụng. Khi gia hạn hợp đồng cũng áp dụng tương tự.

4. Người sử dụng lao động tuyển dụng người nước ngoài làm công việc khán hộ công gia đình, nếu người được chăm sóc đủ tám mươi (80) tuổi trở lên, hoặc từ bảy mươi (70) đến bảy mươi chín (79) tuổi mắc bệnh ung thư giai đoạn hai (02) trở lên, được miễn đánh giá chuyên môn của cơ sở y tế.

Điều 47

1. Người sử dụng lao động khi tuyển dụng người nước ngoài làm các công việc quy định từ Điểm 8 đến Điểm 11 Khoản 1 Điều trước phải tiến hành tuyển dụng trong nước trước với điều kiện lao động hợp lý; chỉ khi tuyển dụng trong nước không đáp ứng đủ nhu cầu mới được nộp đơn xin tuyển dụng số lượng còn thiếu, đồng thời khi tuyển dụng trong nước phải thông báo toàn bộ nội dung tuyển dụng cho công đoàn hoặc người lao động của đơn vị mình và niêm yết công khai tại nơi dự kiến người nước ngoài sẽ làm việc.

2. Khi tiến hành tuyển dụng trong nước theo quy định tại khoản trên, người sử dụng lao động không được từ chối người tìm việc do tổ chức dịch vụ việc làm công lập giới thiệu nếu không có lý do chính đáng.

Điều 48

1. Người sử dụng lao động khi tuyển dụng người nước ngoài làm việc phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ liên quan nộp lên cơ quan chủ quản Trung ương để xin cấp phép, trừ một trong các trường hợp sau đây không cần xin cấp phép:

1. Chính quyền các cấp và các cơ quan nghiên cứu học thuật trực thuộc mời người nước ngoài làm cố vấn hoặc nghiên cứu viên.
2. Người nước ngoài kết hôn với công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc và đã được phép cư trú.
3. Người nước ngoài được mời giảng dạy chuyên đề hoặc nghiên cứu học thuật tại các trường đại học công lập hoặc tư thục đã được cấp phép và được Bộ Giáo dục công nhận.

2. Quy định về xin cấp phép, thu hồi giấy phép nêu tại khoản trên và các vấn đề quản lý tuyển dụng liên quan khác do cơ quan chủ quản Trung ương phối hợp với cơ quan quản lý ngành nghề Trung ương ban hành.

3. Quy định quản lý khám sức khỏe trước và sau khi nhập cảnh đối với người nước ngoài được tuyển dụng nêu tại Khoản 1 do cơ quan chủ quản y tế Trung ương phối hợp với cơ quan chủ quản Trung ương ban hành.

4. Việc khám sức khỏe sau khi nhập cảnh của người nước ngoài được tuyển dụng nêu tại khoản trên do các bệnh viện được cơ quan chủ quản y tế Trung ương chỉ định thực hiện; quy định về điều kiện tiêu chuẩn được chỉ định, việc chỉ định, hủy bỏ chỉ định và các vấn đề quản lý khác do cơ quan chủ quản y tế Trung ương ban hành.

5. Trường hợp người nước ngoài được tuyển dụng không đạt yêu cầu khám sức khỏe và bị lệnh buộc xuất cảnh, người sử dụng lao động phải lập tức đôn đốc người đó xuất cảnh.

6. Cơ quan chủ quản Trung ương có thể quy định quốc tịch và hạn ngạch số lượng đối với người nước ngoài làm các công việc quy định từ Điểm 8 đến Điểm 11 Khoản 1 Điều 46.

Điều 48-1

1. Người sử dụng lao động trong nước trước khi lần đầu tiên tuyển dụng người nước ngoài làm công việc khán hộ công gia đình hoặc giúp việc gia đình phải tham gia khóa tập huấn trước khi tuyển dụng do cơ quan chủ quản hoặc tổ chức phi lợi nhuận được ủy thác tổ chức, đồng thời đính kèm giấy chứng nhận đã tham gia tập huấn khi nộp hồ sơ xin cấp phép.

2. Quy định về đối tượng, nội dung, hình thức tổ chức tập huấn nêu tại khoản trên, tiêu chuẩn, điều kiện của đơn vị nhận ủy thác tổ chức và các vấn đề cần tuân thủ khác do cơ quan chủ quản Trung ương ban hành.

Điều 49

Cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự các nước tại Đài Loan, cơ quan nước ngoài tại Đài Loan, các tổ chức quốc tế tại Đài Loan và nhân viên của các cơ quan, tổ chức này khi tuyển dụng người nước ngoài làm việc phải xin cấp phép tại Bộ Ngoại giao; quy định về xin cấp phép, thu hồi giấy phép và các vấn đề quản lý tuyển dụng liên quan khác do Bộ Ngoại giao phối hợp với cơ quan chủ quản Trung ương ban hành.

Điều 50

Người sử dụng lao động khi tuyển dụng các đối tượng học sinh, sinh viên sau đây làm việc sẽ không bị hạn chế bởi quy định tại Khoản 1 Điều 46; thời gian làm việc ngoài kỳ nghỉ đông và nghỉ hè tối đa là hai mươi (20) giờ mỗi tuần:

1. Lưu học sinh nước ngoài đang theo học tại các trường cao đẳng, đại học công lập hoặc tư thục đã được cấp phép.
2. Kiều sinh và học sinh, sinh viên gốc Hoa khác đang theo học tại các trường trung học phổ thông trở lên công lập hoặc tư thục đã được cấp phép.

Điều 51

1. Người sử dụng lao động khi tuyển dụng những người nước ngoài sau đây làm việc sẽ không bị hạn chế bởi các quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 46, Điều 47, Điều 52, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 53, Điểm 5 Điều 57, Điểm 4 Điều 72 và Điều 74, đồng thời được miễn nộp phí ổn định việc làm theo quy định tại Điều 55:

1. Người tị nạn được phép cư trú.
2. Người được phép tuyển dụng làm việc liên tục trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc, đã cư trú liên tục đủ năm (05) năm, có phẩm hạnh đoan chính và có nơi ở ổn định.
3. Người được phép chung sống với người thân trực hệ có đăng ký hộ khẩu thường trú trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc.
4. Người đã được cấp thẻ thường trú (cư trú vĩnh viễn).

2. Người nước ngoài thuộc Điểm 1, Điểm 3 và Điểm 4 khoản trên có thể tự mình nộp đơn trực tiếp lên cơ quan chủ quản Trung ương để xin cấp giấy phép lao động mà không cần thông qua người sử dụng lao động.

3. Pháp nhân nước ngoài để thực hiện hợp đồng thầu khoán, mua bán, hợp tác kỹ thuật... cần cử người nước ngoài vào lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc thực hiện công việc thuộc phạm vi hợp đồng theo Điểm 1 hoặc Điểm 2 Khoản 1 Điều 46, nếu chưa thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Trung Hoa Dân Quốc, phải do đơn vị ký kết hợp đồng hoặc người đại diện được ủy quyền xin cấp phép theo quy định tại các văn bản ban hành căn cứ Khoản 2 và Khoản 3 Điều 48.

Điều 52

1. Thời hạn cấp phép tuyển dụng người nước ngoài làm các công việc quy định từ Điểm 1 đến Điểm 7 và Điểm 11 Khoản 1 Điều 46 tối đa là ba (03) năm; khi hết hạn nếu có nhu cầu tiếp tục tuyển dụng, người sử dụng lao động có thể xin gia hạn.

2. Thời hạn cấp phép tuyển dụng người nước ngoài làm các công việc quy định từ Điểm 8 đến Điểm 10 Khoản 1 Điều 46 tối đa là ba (03) năm. Trường hợp có tình huống đặc biệt nghiêm trọng, người sử dụng lao động có thể xin gia hạn; các tình huống và thời hạn gia hạn do Viện Hành chính quy định bằng văn bản. Tuy nhiên, nếu thuộc công trình trọng điểm, thời hạn gia hạn tối đa không quá sáu (06) tháng.

3. Tổng số lượng lao động nước ngoài được phép đưa vào hằng năm theo khoản trên sẽ căn cứ vào chỉ số cảnh báo tuyển dụng lao động nước ngoài, do cơ quan chủ quản Trung ương mời đại diện các cơ quan liên quan, người lao động, người sử dụng lao động và giới học giả cùng thương thảo quyết định.

4. Người nước ngoài được tuyển dụng không vi phạm quy định pháp luật trong thời hạn giấy phép tuyển dụng, sau khi chấm dứt quan hệ lao động, hết hạn giấy phép tuyển dụng xuất cảnh, hoặc không đạt khám sức khỏe nhưng về nước điều trị và tái khám đạt yêu cầu, có thể nhập cảnh trở lại để làm việc. Tuy nhiên, đối với người nước ngoài làm các công việc quy định từ Điểm 8 đến Điểm 10 Khoản 1 Điều 46, tổng thời gian làm việc tích lũy trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc không được vượt quá mười hai (12) năm và không áp dụng quy định tại Điểm 2 Khoản 1 Điều trước.

5. Người nước ngoài quy định tại phần ngoại lệ của khoản trên trong thời hạn giấy phép tuyển dụng có thể xin nghỉ phép về nước và người sử dụng lao động phải đồng ý; quy định về phương thức xin nghỉ phép, số ngày nghỉ, trình tự thủ tục và các vấn đề liên quan khác do cơ quan chủ quản Trung ương ban hành.

6. Người nước ngoài làm công việc khán hộ công gia đình quy định tại Điểm 9 Khoản 1 Điều 46, nếu đã qua đào tạo chuyên môn hoặc tự học tập và có thành tích biểu hiện đặc biệt, đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện do cơ quan chủ quản Trung ương quy định, thì tổng thời gian làm việc tích lũy trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc không được vượt quá mười bốn (14) năm.

7. Tiêu chuẩn về điều kiện, tư cách, phương thức xét duyệt nêu tại khoản trên và các vấn đề liên quan khác do cơ quan chủ quản Trung ương phối hợp với cơ quan quản lý ngành nghề Trung ương ban hành.

Điều 53

1. Người nước ngoài được tuyển dụng trong thời hạn hiệu lực của giấy phép tuyển dụng, nếu cần chuyển đổi người sử dụng lao động hoặc làm việc cho từ hai (02) người sử dụng lao động trở lên, phải do người sử dụng lao động mới nộp đơn xin cấp phép. Khi xin chuyển đổi người sử dụng lao động, người sử dụng lao động mới phải đính kèm giấy chứng nhận nghỉ việc của người nước ngoài đó.

2. Người nước ngoài quy định tại Điểm 1, Điểm 3 và Điểm 4 Khoản 1 Điều 51 đã được cơ quan chủ quản Trung ương cấp phép thì không áp dụng quy định tại khoản trên.

3. Người nước ngoài được tuyển dụng làm các công việc quy định từ Điểm 1 đến Điểm 7 Khoản 1 Điều 46 khi chuyển đổi người sử dụng lao động hoặc công việc không được chuyển sang làm các công việc quy định từ Điểm 8 đến Điểm 11 cùng khoản.

4. Người nước ngoài được tuyển dụng làm các công việc quy định từ Điểm 8 đến Điểm 11 Khoản 1 Điều 46 không được chuyển đổi người sử dụng lao động hoặc công việc, trừ trường hợp thuộc một trong các tình huống quy định tại Khoản 1 Điều 59 và được cơ quan chủ quản Trung ương phê duyệt.

5. Người nước ngoài nêu tại khoản trên sau khi được cấp phép chuyển đổi người sử dụng lao động hoặc công việc, thời gian được tuyển dụng của họ phải được tính cộng dồn và chịu sự hạn chế theo quy định tại Điều 52.

Điều 54

1. Người sử dụng lao động tuyển dụng người nước ngoài làm các công việc quy định từ Điểm 8 đến Điểm 11 Khoản 1 Điều 46, nếu có một trong các hành vi sau đây, cơ quan chủ quản Trung ương phải từ chối cấp một phần hoặc toàn bộ giấy phép tuyển mộ, giấy phép tuyển dụng hoặc gia hạn giấy phép tuyển dụng; trường hợp đã cấp giấy phép tuyển mộ thì có thể đình chỉ việc đưa người lao động vào:

1. Tại nơi dự kiến người nước ngoài làm việc đang xảy ra đình công hoặc tranh chấp lao động theo quy định tại Điều 10.
2. Từ chối tuyển dụng người do tổ chức dịch vụ việc làm công lập giới thiệu hoặc người tự đến ứng tuyển mà không có lý do chính đáng khi tuyển dụng trong nước.
3. Số lượng hoặc tỷ lệ người lao động nước ngoài đang tuyển dụng bỏ trốn (mất liên lạc) hoặc hành vi che giấu người nước ngoài đạt đến mức quy định.
4. Từng thuê mướn trái phép người nước ngoài làm việc.
5. Từng sa thải trái pháp luật người lao động trong nước.
6. Làm giảm điều kiện lao động của người lao động trong nước do tuyển dụng người nước ngoài và đã được cơ quan chủ quản địa phương kiểm tra xác minh là đúng sự thật.
7. Người nước ngoài được tuyển dụng gây phương hại đến trật tự an ninh khu dân cư và bị xử phạt theo Luật Duy trì Trật tự Xã hội.
8. Từng giữ lại hoặc chiếm đoạt trái phép hộ chiếu, giấy tờ cư trú hoặc tài sản của người nước ngoài được tuyển dụng.
9. Không nộp đúng hạn chi phí vé máy bay trục xuất và chi phí cần thiết trong thời gian tạm giữ người lao động nước ngoài sau khi đã có thông báo ấn định thời hạn nộp.
10. Yêu cầu, thỏa thuận trước hoặc nhận lợi ích bất chính từ tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân khi ủy thác tuyển dụng người nước ngoài.

11. Cung cấp tài liệu giả mạo hoặc hết hiệu lực khi làm thủ tục xin cấp phép, tuyển dụng, đưa vào hoặc quản lý người lao động nước ngoài.
12. Đăng tải quảng cáo tuyển dụng sai sự thật.
13. Hồ sơ xin cấp phép không đúng quy định, đã được thông báo thời hạn bổ sung nhưng quá hạn vẫn không bổ sung.
14. Vi phạm Luật này hoặc các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo Khoản 2, Khoản 3 Điều 48 và Điều 49.
15. Vi phạm quy định của Luật An toàn và Vệ sinh Lao động dẫn đến việc người nước ngoài được tuyển dụng tử vong, mất một phần hoặc toàn bộ khả năng lao động mà không bồi thường hoặc trợ cấp theo đúng pháp luật.
16. Các hành vi vi phạm nghiêm trọng khác đối với pháp luật bảo vệ người lao động.

2. Các tình tiết quy định từ Điểm 3 đến Điểm 16 khoản trên chỉ tính những trường hợp xảy ra trong vòng hai (02) năm trước ngày nộp hồ sơ xin cấp phép.

3. Số lượng và tỷ lệ nêu tại Điểm 3 Khoản 1 do cơ quan chủ quản Trung ương công bố.

Điều 55

1. Người sử dụng lao động tuyển dụng người nước ngoài làm các công việc quy định từ Điểm 8 đến Điểm 10 Khoản 1 Điều 46 phải nộp phí ổn định việc làm vào tài khoản chuyên dụng của Quỹ Ổn định Việc làm do cơ quan chủ quản Trung ương thành lập, để sử dụng cho việc tăng cường thực hiện các công tác thúc đẩy việc làm cho công dân, nâng cao phúc lợi người lao động và xử lý các nghiệp vụ quản lý tuyển dụng người nước ngoài.

2. Mức phí ổn định việc làm nêu tại khoản trên do cơ quan chủ quản Trung ương cân nhắc tình hình phát triển kinh tế quốc gia, cung cầu lao động và các điều kiện lao động liên quan, đồng thời căn cứ theo từng ngành nghề và tính chất công việc để phối hợp với các cơ quan liên quan quy định.

3. Trường hợp người sử dụng lao động hoặc người được chăm sóc thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Luật Trợ giúp Xã hội, hoặc đang nhận trợ cấp sinh hoạt theo Luật Bảo đảm Quyền lợi Người khuyết tật, hoặc đang nhận trợ cấp sinh hoạt thu nhập trung bình thấp theo Luật Phúc lợi Người cao tuổi, thì khi tuyển dụng người nước ngoài làm công việc khán hộ công gia đình quy định tại Điểm 9 Khoản 1 Điều 46 sẽ được miễn nộp phí ổn định việc làm nêu tại Khoản 1.

4. Trường hợp người nước ngoài được tuyển dụng nêu tại Khoản 1 bỏ việc liên tục ba (03) ngày mất liên lạc hoặc chấm dứt quan hệ lao động, và người sử dụng lao động đã thông báo theo quy định để hủy bỏ giấy phép tuyển dụng, thì người sử dụng lao động không phải tiếp tục nộp phí ổn định việc làm nữa.

5. Người sử dụng lao động không nộp phí ổn định việc làm đúng thời hạn quy định sẽ được gia hạn thêm ba mươi (30) ngày; nếu hết thời hạn gia hạn vẫn chưa nộp, kể từ ngày kế tiếp sau ngày hết hạn gia hạn cho đến ngày trước ngày nộp đủ, mỗi ngày chậm nộp sẽ bị phạt thêm tiền chậm nộp bằng không phẩy ba phần trăm (0,3%) số phí ổn định việc làm chưa nộp, nhưng tối đa không quá ba mươi phần trăm (30%) số phí ổn định việc làm chưa nộp.

6. Sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày bắt đầu tính tiền phạt chậm nộp nêu tại khoản trên mà người sử dụng lao động vẫn chưa nộp, cơ quan chủ quản Trung ương sẽ chuyển hồ sơ cưỡng chế thi hành đối với khoản phí ổn định việc làm và tiền phạt chậm nộp chưa thanh toán, đồng thời có thể thu hồi một phần hoặc toàn bộ giấy phép tuyển dụng của người sử dụng lao động.

7. Cơ quan chủ quản phải định kỳ công bố trên mạng tình hình sử dụng quỹ và biên bản các cuộc họp liên quan.

Điều 56

1. Trường hợp người nước ngoài được tuyển dụng bỏ việc liên tục ba (03) ngày mất liên lạc hoặc chấm dứt quan hệ lao động, người sử dụng lao động phải thông báo bằng văn bản nêu rõ các nội dung liên quan cho cơ quan chủ quản địa phương, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan công an trong vòng ba (03) ngày. Tuy nhiên, nếu người nước ngoài bỏ việc mất liên lạc (chưa đủ 3 ngày), người sử dụng lao động có thể thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan công an để tiến hành kiểm tra, truy tìm.

2. Người nước ngoài được tuyển dụng nếu bị người sử dụng lao động báo cáo sai sự thật về việc bỏ việc liên tục ba (03) ngày mất liên lạc có quyền khiếu nại lên cơ quan chủ quản địa phương. Sau khi điều tra xác minh đúng là báo cáo sai sự thật, cơ quan chủ quản Trung ương phải hủy bỏ quyết định hành chính thu hồi giấy phép tuyển dụng và lệnh buộc xuất cảnh đã ban hành trước đó.

Điều 57

Người sử dụng lao động tuyển dụng người nước ngoài không được thực hiện các hành vi sau đây:

1. Tuyển dụng người nước ngoài chưa có giấy phép, giấy phép đã hết hiệu lực hoặc do người khác xin cấp phép tuyển dụng.
2. Đứng tên mình xin cấp phép tuyển dụng người nước ngoài nhưng để người đó làm việc cho người khác.
3. Phân công người nước ngoài được tuyển dụng làm các công việc ngoài phạm vi được cấp phép.
4. Tự ý điều chuyển người nước ngoài làm các công việc quy định từ Điểm 8 đến Điểm 10 Khoản 1 Điều 46 thay đổi địa điểm làm việc khi chưa được cấp phép.
5. Không bố trí cho người nước ngoài được tuyển dụng đi khám sức khỏe theo quy định hoặc không gửi báo cáo kết quả khám sức khỏe cho cơ quan chủ quản y tế theo quy định.
6. Sa thải hoặc cho người lao động trong nước thôi việc do nguyên nhân tuyển dụng người nước ngoài.
7. Dùng bạo lực, đe dọa hoặc các thủ đoạn bất hợp pháp khác để cưỡng ép người nước ngoài được tuyển dụng phải lao động.
8. Giữ lại hoặc chiếm đoạt trái phép hộ chiếu, giấy tờ cư trú hoặc tài sản của người nước ngoài được tuyển dụng.
9. Các hành vi vi phạm khác đối với Luật này hoặc các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo Luật này.

Điều 58

1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép tuyển dụng, nếu người nước ngoài xuất cảnh, tử vong vì lý do không thuộc lỗi của người sử dụng lao động, hoặc bỏ trốn mất liên lạc đã được thông báo cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan công an theo quy định nhưng sau đủ ba (03) tháng vẫn chưa tìm thấy, người sử dụng lao động có thể nộp đơn lên cơ quan chủ quản Trung ương xin tuyển dụng bổ sung (thay thế).

2. Người sử dụng lao động tuyển dụng người nước ngoài làm công việc khán hộ công gia đình quy định tại Điểm 9 Khoản 1 Điều 46, vì lý do không thuộc lỗi của mình và thuộc một trong các trường hợp sau đây, cũng có thể nộp đơn lên cơ quan chủ quản Trung ương xin tuyển dụng bổ sung:

1. Người nước ngoài bỏ trốn mất liên lạc tại sân bay xuất nhập cảnh hoặc cơ sở tạm giữ và đã được thông báo cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan công an theo quy định.
2. Người nước ngoài bỏ trốn mất liên lạc tại nơi ở của người sử dụng lao động, đã thông báo cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan công an theo quy định nhưng sau đủ một (01) tháng vẫn chưa tìm thấy.
3. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép tuyển dụng, người nước ngoài được người sử dụng lao động đồng ý chuyển chủ hoặc chuyển việc và đã được chủ mới tiếp nhận tuyển dụng, hoặc sau khi bị cơ quan chủ quản Trung ương thu hồi giấy phép tuyển dụng quá một (01) tháng mà chưa có chủ mới tiếp nhận tuyển dụng.

3. Thời hạn giấy phép tuyển dụng bổ sung nêu tại hai khoản trên chỉ được cấp bù cho phần thời gian còn lại của giấy phép tuyển dụng ban đầu; nếu thời gian còn lại của giấy phép tuyển dụng ban đầu dưới sáu (06) tháng thì không được cấp tuyển dụng bổ sung.

Điều 59

1. Người nước ngoài được tuyển dụng làm các công việc quy định từ Điểm 8 đến Điểm 11 Khoản 1 Điều 46, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây và được cơ quan chủ quản Trung ương phê duyệt, có thể chuyển đổi người sử dụng lao động hoặc công việc:

1. Người sử dụng lao động hoặc người được chăm sóc qua đời hoặc di cư ra nước ngoài.
2. Tàu thuyền bị bắt giữ, bị chìm hoặc đang sửa chữa nên không thể tiếp tục hoạt động.

3. Người sử dụng lao động đóng cửa nhà máy, ngừng kinh doanh hoặc không trả thù lao lao động theo hợp đồng lao động dẫn đến chấm dứt hợp đồng lao động.
4. Các lý do khác không thuộc lỗi của người nước ngoài được tuyển dụng.

2. Trình tự thủ tục chuyển đổi người sử dụng lao động hoặc công việc nêu tại khoản trên do cơ quan chủ quản Trung ương quy định riêng.

Điều 60

1. Trường hợp người nước ngoài được tuyển dụng bị cơ quan quản lý xuất nhập cảnh trục xuất về nước theo quy định, chi phí đi lại trục xuất và chi phí cần thiết trong thời gian tạm giữ sẽ do các đối tượng chịu trách nhiệm chi trả theo thứ tự ưu tiên sau đây:

1. Người chứa chấp, tuyển dụng hoặc môi giới trái phép người nước ngoài làm việc.
2. Người sử dụng lao động có lỗi dẫn đến việc người lao động bị trục xuất.
3. Người nước ngoài bị trục xuất.

2. Trường hợp Điểm 1 khoản trên có nhiều người vi phạm thì những người đó phải chịu trách nhiệm liên đới.

3. Chi phí nêu tại Khoản 1 do Quỹ Ổn định Việc làm tạm ứng chi trả trước; sau khi tạm ứng, cơ quan quản lý quỹ sẽ thông báo ấn định thời hạn nộp cho người có trách nhiệm chi trả; nếu quá hạn không nộp sẽ chuyển hồ sơ cưỡng chế thi hành.

4. Khoản tiền đặt cọc bảo đảm mà người sử dụng lao động đã nộp có thể được hoàn trả bằng cách xuất trình các chứng từ chứng minh đã nộp tiền đặt cọc để nộp đơn xin hoàn trả lên cơ quan chủ quản Trung ương.

Điều 61

Trường hợp người nước ngoài qua đời trong thời gian được tuyển dụng, người sử dụng lao động phải thay mặt lo liệu các thủ tục tang lễ liên quan cho người đó.

Điều 62

1. Cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, cơ quan công an, cơ quan tuần tra bờ biển hoặc các cơ quan cảnh sát tư pháp khác có thể cử nhân viên mang theo giấy tờ chứng minh đến nơi làm việc của người nước ngoài hoặc nơi nghi ngờ có người nước ngoài làm việc trái phép để tiến hành kiểm tra.

2. Đối với việc kiểm tra nêu tại khoản trên, người sử dụng lao động, người đại diện của người sử dụng lao động, người nước ngoài và các nhân viên liên quan khác không được trốn tránh, cản trở hoặc từ chối.

Chương VI: Chế tài xử phạt

Điều 63

1. Người vi phạm quy định tại Điều 44 hoặc Điểm 1, Điểm 2 Điều 57 sẽ bị phạt tiền hành chính từ một trăm năm mươi nghìn (150.000) Tân Đài tệ đến bảy trăm năm mươi nghìn (750.000) Tân Đài tệ. Nếu tái phạm trong vòng năm (05) năm, sẽ bị phạt tù có thời hạn dưới ba (03) năm, phạt cải tạo giam giữ hoặc phạt tiền hình sự dưới một triệu hai trăm nghìn (1.200.000) Tân Đài tệ, hoặc áp dụng đồng thời cả hai hình phạt.

2. Trường hợp người đại diện của pháp nhân, người đại diện, người làm thuê hoặc nhân viên khác của pháp nhân hoặc cá nhân trong quá trình thực hiện nghiệp vụ mà vi phạm quy định tại Điều 44 hoặc Điểm 1, Điểm 2 Điều 57, ngoài việc xử phạt người trực tiếp thực hiện hành vi theo quy định tại khoản trên, pháp nhân hoặc cá nhân chủ quản đó cũng bị xử phạt tiền hành chính hoặc phạt tiền hình sự tương ứng theo khoản trên.

Điều 64

1. Người vi phạm quy định tại Điều 45 sẽ bị phạt tiền hành chính từ một trăm nghìn (100.000) Tân Đài tệ đến năm trăm nghìn (500.000) Tân Đài tệ. Nếu tái phạm trong vòng năm (05) năm, sẽ bị phạt tù có thời hạn dưới một (01) năm, phạt cải tạo giam giữ hoặc phạt tiền hình sự dưới sáu trăm nghìn (600.000) Tân Đài tệ, hoặc áp dụng đồng thời cả hai hình phạt.

2. Người vì mục đích trục lợi mà vi phạm quy định tại Điều 45 sẽ bị phạt tù có thời hạn dưới ba (03) năm, phạt cải tạo giam giữ hoặc phạt tiền hình sự dưới một triệu hai trăm nghìn (1.200.000) Tân Đài tệ, hoặc áp dụng đồng thời cả hai hình phạt.

3. Trường hợp người đại diện của pháp nhân, người đại diện, người làm thuê hoặc nhân viên khác của pháp nhân hoặc cá nhân trong quá trình thực hiện nghiệp vụ mà vi phạm quy định tại Điều 45, ngoài việc xử phạt người trực tiếp thực hiện hành vi theo hai khoản trên, pháp nhân hoặc cá nhân chủ quản đó cũng bị xử phạt tiền hành chính hoặc phạt tiền hình sự tương ứng theo từng khoản trên.

Điều 65

1. Người vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 5; Điểm 1, Điểm 4, Điểm 5 Khoản 2 Điều 5; Khoản 2 Điều 34; Điểm 2, Điểm 7 đến Điểm 9, Điểm 18 Khoản 1 Điều 40 sẽ bị phạt tiền hành chính từ ba trăm nghìn (300.000) Tân Đài tệ đến một triệu năm trăm nghìn (1.500.000) Tân Đài tệ.

2. Người hoạt động nghiệp vụ dịch vụ việc làm khi chưa được cấp phép mà vi phạm quy định tại Điểm 2, Điểm 7 đến Điểm 9, Điểm 18 Khoản 1 Điều 40 sẽ bị xử phạt theo quy định tại khoản trên.

3. Người vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 5 và bị xử phạt tiền hành chính, cơ quan chủ quản thành phố trực thuộc Trung ương, huyện (thành phố) phải công bố công khai họ tên hoặc tên tổ chức, họ tên người phụ trách của bên vi phạm, đồng thời ấn định thời hạn buộc khắc phục; nếu hết thời hạn mà chưa khắc phục, sẽ bị xử phạt lặp lại theo từng lần vi phạm.

Điều 66

1. Người vi phạm quy định tại Điểm 5 Khoản 1 Điều 40 sẽ bị phạt tiền hành chính gấp từ mười (10) lần đến hai mươi (20) lần số tiền tương đương với khoản phí vượt quá mức quy định hoặc lợi ích bất chính khác mà họ đã yêu cầu, thỏa thuận trước hoặc đã nhận.

2. Người hoạt động nghiệp vụ dịch vụ việc làm khi chưa được cấp phép mà vi phạm quy định tại Điểm 5 Khoản 1 Điều 40 sẽ bị xử phạt theo quy định tại khoản trên.

Điều 67

1. Người vi phạm quy định tại Điểm 2, Điểm 3, Điểm 6 Khoản 2 Điều 5; Điều 10; Khoản 1 Điều 36; Điều 37; Điều 39; Điểm 1, Điểm 3, Điểm 4, Điểm 6, Điểm 10 đến Điểm 17, Điểm 19, Điểm 20 Khoản 1 Điều 40; Điểm 5, Điểm 8, Điểm 9 Điều 57 hoặc Khoản 2 Điều 62 sẽ bị phạt tiền hành chính từ sáu mươi nghìn (60.000) Tân Đài tệ đến ba trăm nghìn (300.000) Tân Đài tệ.

2. Người hoạt động nghiệp vụ dịch vụ việc làm khi chưa được cấp phép mà vi phạm quy định tại Điểm 1, Điểm 3, Điểm 4, Điểm 6 hoặc Điểm 10 Khoản 1 Điều 40 sẽ bị xử phạt theo quy định tại khoản trên.

Điều 68

1. Người vi phạm quy định tại Điều 9; Khoản 1 Điều 33; Điều 41; Điều 43; Khoản 1 Điều 56; Điểm 3, Điểm 4 Điều 57 hoặc Điều 61 sẽ bị phạt tiền hành chính từ ba mươi nghìn (30.000) Tân Đài tệ đến một trăm năm mươi nghìn (150.000) Tân Đài tệ.

2. Người vi phạm quy định tại Điểm 6 Điều 57 sẽ bị phạt tiền hành chính tính theo số lượng người lao động bị sa thải hoặc cho thôi việc, mỗi người bị phạt từ hai mươi nghìn (20.000) Tân Đài tệ đến một trăm nghìn (100.000) Tân Đài tệ.

3. Người nước ngoài vi phạm quy định tại Điều 43 phải bị lệnh buộc xuất cảnh ngay lập tức và không được phép làm việc trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc nữa.

4. Người nước ngoài vi phạm quy định tại Điều 43 hoặc thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 74, sau khi bị ấn định thời hạn buộc xuất cảnh mà quá hạn không xuất cảnh, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có thể cưỡng chế xuất cảnh; trong thời gian chưa xuất cảnh, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có thể tiến hành tạm giữ.

Điều 69

Tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân có một trong các hành vi sau đây sẽ bị cơ quan chủ quản xử phạt đình chỉ hoạt động dưới một (01) năm:

1. Vi phạm quy định tại Điểm 4 đến Điểm 6, Điểm 8 Khoản 1 Điều 40 hoặc Điều 45.
2. Bị xử phạt tiền hành chính ba (03) lần về cùng một hành vi vi phạm nhưng vẫn không khắc phục.
3. Bị xử phạt tiền hành chính từ bốn (04) lần trở lên trong vòng một (01) năm.

Điều 70

1. Tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân có một trong các hành vi sau đây, cơ quan chủ quản có thể thu hồi giấy phép thành lập của tổ chức đó:

1. Vi phạm quy định tại Điều 38; Điểm 2, Điểm 7, Điểm 9, Điểm 14, Điểm 18 Khoản 1 Điều 40.
2. Bị xử phạt đình chỉ hoạt động từ hai (02) lần trở lên trong vòng một (01) năm.

2. Tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân đã bị thu hồi giấy phép thành lập, nếu người phụ trách hoặc người đại diện của tổ chức đó nộp đơn xin thành lập lại tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân trong vòng năm (05) năm, cơ quan chủ quản phải từ chối thụ lý hồ sơ.

Điều 71

Nhân viên chuyên môn dịch vụ việc làm vi phạm quy định tại Điều 37, cơ quan chủ quản Trung ương có thể thu hồi Chứng chỉ nhân viên chuyên môn dịch vụ việc làm của người đó.

Điều 72

Người sử dụng lao động có một trong các hành vi sau đây phải bị thu hồi một phần hoặc toàn bộ giấy phép tuyển mộ và giấy phép tuyển dụng:

1. Thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 54.
2. Thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điểm 1, Điểm 2, Điểm 6 đến Điểm 9 Điều 57.
3. Thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điểm 3, Điểm 4 Điều 57, đã được thông báo thời hạn khắc phục nhưng quá hạn chưa khắc phục.
4. Thuộc trường hợp quy định tại Điểm 5 Điều 57, đã được cơ quan chủ quản y tế thông báo thực hiện nhưng vẫn không thực hiện.
5. Vi phạm quy định tại Điều 60.

Điều 73

Người nước ngoài được người sử dụng lao động tuyển dụng, nếu có một trong các hành vi sau đây, sẽ bị thu hồi giấy phép tuyển dụng:

1. Làm việc cho người sử dụng lao động khác ngoài người sử dụng lao động đã xin cấp phép.
2. Tự ý làm công việc ngoài phạm vi được cấp phép mà không phải do sự phân công của người sử dụng lao động.
3. Bỏ việc liên tục ba (03) ngày mất liên lạc hoặc chấm dứt quan hệ lao động.

4. Từ chối khám sức khỏe, cung cấp mẫu xét nghiệm giả mạo, khám sức khỏe không đạt yêu cầu, tình trạng thể chất hoặc tinh thần không đủ khả năng đảm nhận công việc được giao, hoặc mắc bệnh truyền nhiễm do cơ quan chủ quản y tế Trung ương chỉ định.
5. Vi phạm nghiêm trọng các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo Khoản 2, Khoản 3 Điều 48 và Điều 49.
6. Vi phạm nghiêm trọng các quy định pháp luật khác của Trung Hoa Dân Quốc.
7. Từ chối cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin sai sự thật khi có nghĩa vụ phải cung cấp theo quy định.

Điều 74

1. Trừ trường hợp Luật này có quy định khác, người nước ngoài đã hết thời hạn giấy phép tuyển dụng hoặc bị thu hồi giấy phép tuyển dụng theo quy định tại Điều trước phải bị lệnh buộc xuất cảnh ngay lập tức và không được phép làm việc trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc nữa.

2. Trường hợp người nước ngoài được tuyển dụng bỏ việc liên tục ba (03) ngày mất liên lạc, trước khi thu hồi giấy phép tuyển dụng, cơ quan chủ quản nghiệp vụ xuất nhập cảnh có thể ra lệnh buộc xuất cảnh ngay lập tức.

3. Trường hợp thuộc một trong các tình huống sau đây sẽ không áp dụng quy định về việc lệnh buộc xuất cảnh ngay lập tức tại Khoản 1:

1. Lưu học sinh nước ngoài, kiều sinh hoặc học sinh, sinh viên gốc Hoa được tuyển dụng làm việc theo quy định của Luật này, đã hết thời hạn giấy phép tuyển dụng hoặc thuộc một trong các trường hợp quy định từ Điểm 1 đến Điểm 5 Điều trước.
2. Người nước ngoài được tuyển dụng trong thời gian làm việc không khám sức khỏe định kỳ theo quy định hoặc khám sức khỏe không đạt yêu cầu, nhưng được cơ quan chủ quản y tế đồng ý cho tái khám và kết quả tái khám đạt yêu cầu.

Điều 75

Các khoản phạt tiền hành chính quy định trong Luật này do cơ quan chủ quản thành phố trực thuộc Trung ương và huyện (thành phố) ra quyết định xử phạt.

Điều 76

Các khoản phạt tiền hành chính bị xử phạt theo Luật này, sau khi đã ấn định thời hạn nộp mà quá hạn chưa nộp, sẽ bị chuyển hồ sơ cưỡng chế thi hành.

Chương VII: Điều khoản thi hành

Điều 77

Người nước ngoài đã được phê duyệt tuyển dụng làm việc trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc theo các quy định pháp luật liên quan trước khi Luật này sửa đổi có hiệu lực, sau khi Luật này sửa đổi có hiệu lực mà thời hạn làm việc đã được phê duyệt ban đầu chưa hết hạn, thì trước khi hết hạn được miễn xin cấp phép lại theo quy định của Luật này.

Điều 78

1. Thân nhân của nhân viên các cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự các nước tại Đài Loan, cơ quan nước ngoài tại Đài Loan và các tổ chức quốc tế tại Đài Loan, hoặc những người nước ngoài khác được Bộ Ngoại giao lập danh sách báo cáo chuyên biệt cho cơ quan chủ quản Trung ương, nếu có nhu cầu làm việc trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc, sẽ do chính người nước ngoài đó nộp đơn xin cấp phép tại Bộ Ngoại giao.

2. Người nước ngoài nêu tại khoản trên khi làm việc trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc không áp dụng các quy định từ Điều 46 đến Điều 48, Điều 50, từ Điều 52 đến Điều 56, từ Điều 58 đến Điều 61 và Điều 74.

3. Quy định về xin cấp phép, thu hồi giấy phép nêu tại Khoản 1 và các vấn đề cần tuân thủ khác do Bộ Ngoại giao phối hợp với cơ quan chủ quản Trung ương ban hành.

Điều 79

Người không quốc tịch, công dân Trung Hoa Dân Quốc đồng thời mang quốc tịch nước ngoài nhưng chưa đăng ký hộ khẩu thường trú trong nước, khi được tuyển dụng làm việc sẽ được giải quyết theo các quy định liên quan đến người nước ngoài của Luật này.

Điều 80

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, việc tuyển dụng và quản lý nhân dân khu vực Đại Lục làm việc tại khu vực Đài Loan được áp dụng tương tự các quy định liên quan tại Chương V.

Điều 81

Cơ quan chủ quản khi tiếp nhận hồ sơ xin cấp phép và cấp phát giấy phép theo quy định của Luật này phải thu lệ phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép; mức thu lệ phí do cơ quan chủ quản Trung ương quy định.

Điều 82

Quy định chi tiết thi hành Luật này do cơ quan chủ quản Trung ương ban hành.

Điều 83

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày công bố, trừ quy định từ Khoản 1 đến Khoản 3 Điều 48 được sửa đổi công bố ngày 21 tháng 01 năm Dân Quốc thứ 91 (2002) có hiệu lực theo ngày do Viện Hành chính ấn định bằng văn bản, và các điều khoản được sửa đổi ngày 05 tháng 05 năm Dân Quốc thứ 95 (2006) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm Dân Quốc thứ 95 (2006).
